

# Ba chướng ngại lớn trên đường tiến của dân tộc Việt Nam

Tôn thất Thiện

Những người Việt Nam ở ngoài nước, và nhất là những người ngoại quốc, đã thăm viếng Việt Nam trong thời gian gần đây đều nói rằng "Việt Nam nay thay đổi rất nhiều". Điều này đúng, nhưng nó chỉ đúng theo nghĩa: nếu ta so sánh với tình trạng Việt Nam cách đây 5 hay 10 năm. Thật ra thì hiện nay Việt Nam đang ở trong tình trạng dậm chân, nếu không nói là tụt hậu, nếu so sánh với các nước láng giềng Đông Nam Á. Việt Nam không hội đủ điều kiện căn bản để phát triển như các nước này vì lộ trình phát triển của Việt Nam rất khác lộ trình của họ. Các nước đã phát triển mạnh từ lâu, đã đạt đến trình độ sung túc, và có đủ điều kiện căn bản để tiếp tục phát triển mạnh và vững chắc trong những thập niên tới nhờ những sự lựa chọn chiến lược đúng. Trong khi đó, Việt Nam đã và đang bị nhiều chướng ngại chiến lược chặn đường tiến của mình.

Ba chướng ngại lớn nhất là: 1/ đấu tranh giai cấp; 2/ dân chủ tập trung; 3/ đảng lãnh đạo tập thể. Đó là ba nguyên tắc mà ban lãnh đạo hiện tại của Đảng Cộng Sản Việt Nam coi là "cơ bản nhất, quyết định nhất" trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội từ nay đến năm 2000 và sau nữa. Lập trường này được công bố trong hai tài liệu rất quan trọng đã được phổ biến trong thời gian gần đây. Đó là báo cáo chính trị của ban lãnh đạo đảng do Tổng bí thư Đỗ Mười đọc trước Đại Hội giữa hai nhiệm kỳ (Đại Hội VII-B) hồi tháng 1, và bài nói chuyện, cũng của ông này, tại Hội Nghị cán bộ đảng hồi tháng 3 năm nay tại Hà Nội.

Tại Hội Nghị cán bộ (ngày 3-3-94) ông Đỗ Mười nói rằng "bên ngoài thì ta .... không cần nói gay gắt" nhưng "phải có quan điểm giai cấp cho vững". Ông ta nhấn mạnh: muốn đánh giá tình hình mới cho chính xác "cán bộ phải quán triệt các quyết nghị của đảng", và ông giải thích rằng điều này có nghĩa là: "Trước hết phải đứng vững trên quan điểm giai cấp và đấu tranh giai cấp". Tương cũng nên nhắc ở đây là, theo quyết nghị của Đại Hội VII (tháng 6 năm 1991), "Đảng lấy chủ nghĩa Marx Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động... Kiên trì chủ nghĩa Marx Lenin là vấn đề có tính cách nguyên tắc số một đối với đảng ta."

Muốn hiểu rõ sự kiện "đấu tranh giai cấp" và "kiên trì chủ nghĩa Marx Lenin" có quan hệ gì với tình trạng Việt Nam hiện tại và trong tương lai ta nên nhìn ngược giòng lịch sử, lùi lại thời kỳ Stalin kế vị Lenin và nắm Đệ Tam Quốc Tế (ĐTQT).

Lenin mất năm 1924. Năm đó là năm cuối cùng mà ĐTQT họp (đại hội V) dưới ảnh hưởng của Lenin, tuy ông ta vắng mặt vì bệnh. Những lãnh tụ cao cấp của tổ chức (Zinoviev, Radek, Bukharin) vẫn là người thân cận của Lenin. Đại Hội này cũng là Đại Hội đầu tiên mà Hồ Chí Minh tham dự, và tại đó ông ta được công nhận là cán bộ Leninist xuất sắc hạng nhất.

Tiếp đó trong 4 năm liền, Stalin không triệu tập đại hội ĐTQT. Lý do là ông ta bận thanh toán đờ đệ của Lenin. Đến năm 1928, ông ta mới triệu tập Đại Hội VI. Qua đại hội này ông ta ra lệnh thành lập đảng cộng sản khắp toàn cầu với khẩu hiệu "giai cấp chống giai cấp". Các đảng hội viên của ĐTQT được chỉ thị "bôn-sê-vích hóa" triệt để, đấu tranh giai cấp kịch liệt, loại bỏ

những thành phần tư sản và trí thức, và chỉ đưa những thành phần lao động vào chức vụ lãnh đạo. Đường lối này sẽ được duy trì, dù rằng năm 1935 Stalin triệu tập Đại Hội VII để đưa ra đường lối "mặt trận dân chủ": quyết định này chỉ là thủ đoạn chiến thuật về ngoại giao, còn về mục tiêu chiến lược và nội bộ đường lối không có thay đổi. Dù sao, những phần tử "lao động" đã được đưa vào cấp lãnh đạo rồi, vì có nhiều tuổi đảng, sẽ tiếp tục nắm các địa vị then chốt trong Đảng, với quyền bầu chọn đảng viên vào hàng ngũ lãnh đạo của Đảng và bổ nhiệm nhân viên vào các chức vụ điều khiển của quốc gia khi cướp được chính quyền.

ĐCSVN (hồi đó là ĐCS Đông Dương) ra đời trong những điều kiện nói trên. Năm 1929 các nhóm cộng sản tập hợp thành ba đảng. Ông Hồ, theo lệnh của ĐTQT, gom họ lại thành một đảng duy nhất, ĐCSĐD, với những tôn chỉ, thành viên và đường lối chính sách do ĐTQT ấn định. Theo các văn kiện chính thức của Đảng đã được phổ biến, trong những năm sau đó, với tư cách là đại diện của Ban Chấp Hành ĐTQT, ông ta không ngừng nhắc nhở ĐCSVN phải làm "cho đúng ý nguyện của ĐTQT" và "bôn-sê-vích hóa" hàng ngũ của Đảng. Các văn kiện đó cũng nhấn mạnh là, trong suốt thời gian từ ngày thành lập, Đảng "tuyệt đối trung thành" với chủ nghĩa Marx Lenin. Điều này đang được nhắc lại trong các văn kiện ngày nay. Cùng với "tư tưởng Hồ Chí Minh" nó nói lên tính chất bôn-sê-vích chủ nghĩa "trong sáng" của ông Hồ và của ĐCSVN.

Dưới chế độ bôn-sê-vích "trong sáng" trong hàng ngũ lãnh đạo không có chỗ cho trí thức hoặc tiểu tư sản. Hai thành phần này không được tín nhiệm vì họ có tư tưởng, biết suy nghĩ thực hư, tính toán lợi hại chớ không nhắm mắt đi theo người khác. Vì vậy, những người trí thức hoặc tiểu tư sản phải chịu "cải tạo tư tưởng" nếu muốn được thu nạp vào đảng và hy vọng được giữ những chức vụ quan trọng.

Thế nào là chịu cải tạo tư tưởng? Ông Hồ đã đích thân giải thích thái độ của Đảng về điểm này trong buổi "nói chuyện" (ngày 6-2-1953) dành riêng cho vấn đề trí thức. Theo ông trí thức "đáng trọng" là trí thức "hết lòng phục vụ cách mạng" (ta nên hiểu: hết lòng phục vụ ĐCSVN, đặc biệt là lãnh đạo đảng đó). Ông Hồ nói, hay đúng hơn, ông ta đe dọa trí thức (lúc này, năm 1953, không thể đứng ngoài giai cấp lao động, vì đứng ngoài tức là "bị kẹp, như cây mía giữa máy ép", là "bị đè bẹp", sẽ "bị gạt ra"). Chớ nên trí thức phải cải tạo tư tưởng, phải có "lập trường và ý thức lao động", phải "lao động hóa", phải đứng về phe cách mạng". Đảng sẽ điu dắt, giúp đỡ" để đưa họ về phe cách mạng" (ta nên hiểu: ép họ vào khuôn của Đảng. Như vậy có nghĩa là những người trí thức phải hoàn toàn từ bỏ tất cả những tư tưởng, thái độ, hành vi không được Đảng, nghĩa là lãnh đạo Đảng, chấp nhận, phải tự biến mình thành những người phục tùng Đảng tuyệt đối, theo nguyên tắc dân chủ tập trung (sẽ được bàn đến ở đoạn sau).

Người trí thức chấp nhận những điều kiện trên đây tất nhiên trở nên người tù của Đảng, như Nguyễn Hộ đã giải thích trong

*Quan điểm và cuộc sống.* Như Đỗ Mạnh Tri đã phân tích rất sâu sắc trong một bài về "Bảo Cự, Bùi Minh Quốc, Nguyễn Hộ" (*Tin*, số 16, tháng 7, 1994), vì lý tưởng, họ theo Đảng, nhưng từ đây họ không còn thuộc về họ mà thuộc về Đảng, và Đảng có quyền sinh sát trên họ và đòi hỏi họ một sự phục tùng tuyệt đối. Và như Hà Sĩ Phu đã nhận xét trong Dấu tay nhau đi dưới những tấm biển chỉ đường của trí tuệ, họ sẽ đóng góp vào sự nói dối và ngụy biện và không còn là trí thức nữa. Trong những năm 1945-1975, biết bao nhiêu trí thức Việt Nam đã theo ĐCSVN vì lý tưởng, trở thành người tù của Đảng, và không còn là trí thức nữa!

Qua những sự kiện nêu trên, ta hiểu rõ tại sao lãnh đạo ĐCSVN ngày nay lại yếu kém như mọi người đều biết. Mà khi lãnh đạo đã yếu kém như thế thì cán bộ cấp trung và thấp lại càng yếu kém hơn nữa. Sự kiện này tạo ra một tình trạng bế tắc vĩ đại. Cái tệ hại hiện tại, như Nguyễn Khắc Viện, tuy là một đảng viên trung kiên, nhưng đã than thở, không phải là lãnh đạo và cán bộ Đảng vô sản, mà là họ "vô học". Tuy vô học nhưng họ chiếm tất cả những chức vị then chốt trong các cơ quan chính quyền và xã hội. Như thế làm sao nước Việt Nam tiến được? Muốn tiến tới phải có thay đổi triệt để. Nhưng làm sao thay đổi triệt để được khi đường lối chính sách nằm trong tay những người mang nặng thực chất bôn-sê-vích? Những người có quyền quyết định thay đổi lại là những người không đủ khả năng trí tuệ và kiến thức để hiểu rõ các vấn đề rất phức tạp của thế giới ngày nay; họ không ý thức được sự cần thiết của những thay đổi cơ bản; cho nên họ không chấp nhận những thay đổi đó, và "kiên trì" đường lối Stalin "giai cấp chống giai cấp", mà hình thức mới, như ông Đỗ Mười nhắc nhở cán bộ phải áp dụng triệt để trong buổi nói chuyện ngày 3-3-94, là "đấu tranh giai cấp".

Phân khác, báo cáo chính trị tại Đại Hội VII-B cũng nhấn mạnh rằng "Việc đánh giá, lựa chọn, và sử dụng cán bộ lãnh đạo các cấp phải ... đặc biệt chú ý bản lãnh chính trị, kiên định mục tiêu, lý tưởng của Đảng ..."; đánh giá cán bộ "phải do cấp ủy quản lý cán bộ ..." và lúc này, tính kiên định chính trị, lòng trung thành với lý tưởng của Đảng .... là phẩm chất hàng đầu của người đảng viên".

Trong cương lĩnh hiện tại của Đảng (Đại Hội VII, tháng 6, 1991) và hiến pháp mới (tháng 4, 1992), trí thức có được đề cập đến, nhưng họ vẫn chỉ được nằm trong "khối đoàn kết dân tộc" liên minh nông dân lao động trí thức. Khối này chịu sự kiểm soát của Đảng, và những trí thức vào đó, nếu được sử dụng, chỉ được sử dụng như thư lại hoặc cán bộ chuyên môn thừa hành, chớ không hy vọng gì lọt được vào hàng ngũ lãnh đạo có quyền tham dự vào những quyết định quan trọng có tính cách chiến lược trong công cuộc điều hướng quốc gia. Những tiết lộ của Hà Sĩ Phu, Bảo Cự cho ta thấy rõ là những người có kiến thức rộng, có tư tưởng đặc thù và cá tính, không thể nào được "thu nạp" vào, hoặc duy trì địa vị trong hàng ngũ lãnh đạo của Đảng được. Ngay cả những nhân vật cộng sản gộc như Võ Nguyên Giáp, Trần Xuân Bách, Nguyễn Cơ Thạch, hoặc hết mình với Đảng như Phan Đình Diệu, Hoàng Chí Bảo, còn bị loại hướng hờ những người khác. Như vậy trong tình trạng hiện tại, không có hy vọng gì thấy trí tuệ, thay vì "tính kiên định chính trị, lòng trung thành với lý tưởng của Đảng", được dùng làm nguyên tắc chỉ đạo căn bản trong việc trị quốc.

Trong thế giới ngày nay, sự yếu kém về trí tuệ trong hàng ngũ lãnh đạo là một nguy cơ lớn hơn trong thế giới của thời Marx nhiều. Marx chỉ đối chiếu bấp bấp với trí tuệ, và cho rằng bấp bấp sẽ thắng trí tuệ. Nhưng thế giới ngày nay không còn là thế giới

của bấp bấp nữa mà là thế giới của trí tuệ. Khoa kỹ, đặc biệt là khoa kỹ cao tầng, là sản phẩm của trí tuệ, không phải của bấp bấp. Chính quyền nào chỉ lấy bấp bấp -- "bạo lực cách mạng" và chuyên chế vô học -- làm nguyên tắc chỉ đạo trong việc trị quốc sẽ kèm hãm dân tộc và xử sở mình trong sự đốt nát nghèo nàn trong khi nhân loại ào ạt tiến tới những chân trời mới. Đó là điều mà những người cộng sản còn ít nhiều lương tri và lương tâm phải suy ngẫm thật kỹ để lấy những quyết định thích ứng với nguyện vọng thiết tha của toàn dân và của chính họ: ít nhất là chấm dứt tình trạng thua kém các nước lân bang Đông Nam Á.

Như đã trình bày ở trên, đường lối Stalin "giai cấp chống giai cấp, đấu tranh giai cấp" hiển nhiên đưa đến những hậu quả cực kỳ tai hại cho xứ sở và cho dân tộc Việt Nam. Trong Đảng tất nhiên cũng có người ý thức được nguy cơ đó. Nhưng họ không làm gì được vì họ không nằm trong hàng ngũ lãnh đạo và nắm thực quyền trong Đảng. Tình trạng này thêm trầm trọng vì nguyên tắc "dân chủ tập trung". Nguyên tắc này được ban lãnh đạo hiện thời của Đảng coi là một nguyên tắc bất di bất dịch và đồng hoá với sự tồn tại của Đảng.

Cũng như nguyên tắc "giai cấp chống giai cấp/đấu tranh giai cấp", nguyên tắc "dân chủ tập trung" dẫn đến sự gạt bỏ các phần tử trí thức ra ngoài hàng ngũ lãnh đạo. Đàng khác, nó tách biệt giới lãnh đạo Đảng khỏi giới trí thức, và cách biệt giới trí thức đối với Đảng. Hậu quả là giữa hai giới có sự đổ kỵ, nếu không nói là đối kháng. Giới lãnh đạo sử dụng trí thức một cách dè dặt, hạn chế, và giới trí thức hợp tác với họ một cách miễn cưỡng, cảm chùng. Giữa hai giới không có một sự hợp tác thành thực, tối đa. Do đó, cái vốn trí tuệ của xứ sở không được toàn dụng, bị lãng phí, trong khi khắp nơi trên thế giới trí tuệ được nâng lên hàng yếu tố quý báu nhất, cần thiết nhất, và hiếm có nhất trong mọi lãnh vực của phát triển quốc gia.

Để hiểu tại sao ĐCSVN lại chìm đắm trong tình trạng này, và buộc xứ sở phải chìm đắm theo nó, ta phải đi ngược giòng lịch sử, trở lại thời Lênine, vì Lênine là người đã phát minh nguyên tắc dân chủ tập trung, và cách suy diễn và cách áp dụng nguyên tắc này của ĐCSVN là cách suy diễn và áp dụng của ông ta, tất nhiên qua sự giáo huấn rất kỹ lưỡng của Hồ Chí Minh.

Lênin là một người chủ trương chuyên chế tuyệt đối cho những tổ chức ông ta tham gia và tất nhiên cho chính bản thân ông ta. Trong đảng Xã Hội dân chủ Nga (tiên thân của Đảng cộng sản Nga), ông ta là thủ trưởng phe thiểu số nhưng lại muốn nắm quyền chỉ huy nên ông ta dùng thủ đoạn tự xưng là phe đa số, bôn-sê-vích (trong tiếng Nga, "bôn-sê-vích" là đa số, trong khi thiểu số là "men-sê-vích"). Trong phong trào xã hội chủ nghĩa quốc tế (Đệ Nhị Quốc Tế) cũng vậy. Phe ông ta cũng thuộc về thiểu số, nên ông ta tách rời ra và lập một Quốc Tế khác (Đệ Tam Quốc Tế) trong đó ông ta là thủ trưởng có thể áp dụng chuyên chế tuyệt đối.

Chuyên chế tuyệt đối kiểu bôn-sê-vích là nguyên tắc tổ chức và điều hành những tổ chức chính trị Lêninít: Đảng Xã Hội Dân Chủ (Cộng Sản) Nga, Đệ Tam Quốc Tế và các đảng thành viên của nó, trong đó có ĐCSVN. Tất cả đều phải theo thể chế bôn-sê-vích. Đây là thể chế mà Lênin đề xướng từ năm 1903 trong tác phẩm *Phải làm gì?* (Que faire?). Theo thể chế này đảng Cộng Sản phải tổ chức như một đảng "cách mạng chuyên nghiệp" và sinh hoạt như một đạo quân với "kỷ luật sắt" của nhà binh.

Tất nhiên đã là quân đội thì không thể dân chủ được, chỉ có thể có hệ thống chỉ huy quân sự: lệnh từ trên đưa xuống, mọi cấp thi hành, không có bàn cãi gì hết. Nhưng những phong trào cách

mạng thời đó là những phong trào đòi dân chủ. Vì nhu cầu này, Lênin cũng phải nói dân chủ, nhưng ghép thêm vào đó hai chữ "tập trung". Đây là một thủ đoạn đặc biệt Leninít - có tính cách ma giáo, thả khói mù - luôn luôn hai mặt, hai lưỡi. George Orwell, tác giả của hai tiểu thuyết trứ danh *Năm 1984* và *Animal Farm*, gọi thủ đoạn đó là "double talk" (kiểu nói luôn luôn có hai nghĩa).

Mối nhìn thì "dân chủ tập trung" xem cũng có lý. Dân chủ rất cần, nhưng hữu hiệu cũng rất cần, nhất là ở những nước chậm tiến. Những nước này cần đi nhanh để bắt kịp các nước tiên tiến, mà muốn đi nhanh thì phải quyết định nhanh, không thể nhè nhãng được. Như vậy quyền hành cần tập trung vào một chính phủ mạnh có nhiều quyền. "Dân chủ tập trung" vừa bảo đảm được dân chủ, vừa bảo đảm được hữu hiệu. Có gì hay hơn nữa!

Khái niệm dân chủ tập trung có hai phần: dân chủ và tập trung. Theo quan niệm thông thường, dân chủ là một chế độ trong đó người dân dân có quyền lựa chọn người đại diện của mình để lập chính phủ qua những cuộc bầu phiếu tự do, trong đó mọi công dân đều có quyền ứng cử, bỏ phiếu; các cuộc bầu cử được tổ chức theo định kỳ, theo những thể thức rõ ràng, lương thiện. Nguyên tắc đa nguyên, đa đảng được tôn trọng. Hơn nữa, đó là nguyên tắc căn bản. Dân chúng được tự do lập đảng và các đảng đều được tự do tranh cử, có cơ hội luân phiên lập chính phủ, nắm chính quyền. Như thế, theo định kỳ, dân có thể đổi thay chính phủ nếu họ muốn thay đổi đường hướng. Nhưng dân chủ tập trung theo kiểu leninít bôn-sê-vích không như vậy.

Trong hai phần, Lênin thổi phồng phần tập trung lên cho nó chiếm hết ruột, chỉ dành cho phần dân chủ cái vỏ. Dân chủ chỉ còn là bầu bán có tính cách hình thức. Bầu ai thì không phải do đảng viên quyết định mà do lãnh tụ quyết định. Đường lối chánh sách cũng hoàn toàn do lãnh tụ quyết định. Đảng viên phải có bổn phận tôn trọng "kỷ luật sắt" và thi hành tất cả những gì lãnh tụ quyết định. Quyền dân chủ của họ là bỏ phiếu bầu theo chỉ thị của lãnh tụ, và thảo luận về phương thức thi hành hữu hiệu nhất chánh sách đã do lãnh tụ quyết định.

Lênin quan niệm rằng lãnh tụ đảng phải có quyền tuyệt đối, như tổng tư lệnh một đạo quân. Đảng Cộng Sản Liên Xô là một đạo quân. Đảng trưởng, tất nhiên là Lênin, tất nhiên là tổng tư lệnh của đạo quân đó. Đệ Tam Quốc Tế cũng là một đạo quân, mà Lênin lập ra để toàn quyền điều động trong công cuộc cách mạng thế giới. Tổ chức này, cũng như Đảng Liên Xô, là một tổ chức bôn-sê-vích. Các đảng quốc gia chỉ là đảng viên của nó, phải tuyệt đối tuân lệnh lãnh tụ của nó. Lãnh tụ của nó là Đảng Cộng Sản Liên Xô. Và lãnh tụ Đảng Cộng Sản Liên Xô là Lênin, và sau Lênin, từ 1924 đến 1953, là Stalin. Mà Stalin còn chuyên chế và tàn bạo hơn Lênin, và ghét trí thức và tiểu tư sản còn hơn Lênin. Trong tác phẩm *Nguyên tắc chủ nghĩa Lenin* của ông ta, phần nói về tính chất bất khả tín của hai thành phần này được nói rất mạnh. Trong những năm trước 1945, bản Pháp văn của quyển sách này, *Principes du Leninisme*, (lúc đó chưa dịch ra tiếng Việt), là quyển kinh thánh của những người cộng sản sẽ là lãnh đạo sau này. Đây là một yếu tố về lịch sử của ĐCSVN ta cần biết để hiểu rõ tại sao ban lãnh đạo ĐCSVN hiện tại lại bám chặt vào nguyên tắc dân chủ tập trung và áp dụng nguyên tắc này như họ đã làm, và đang làm: đúng như Lênin và Stalin đã quan niệm và áp dụng cách đây 70 năm.

Tự nó, nguyên tắc dân chủ tập trung đã là một chướng ngại lớn trên đường tiến của dân tộc Việt Nam vì nó hoàn toàn ngăn chặn không cho bất cứ ai lọt vào hàng ngũ lãnh đạo đương quyền của

Đảng chấp nhận. Trí thức không phải là đảng viên, mà ngay cả trí thức đã được thu nạp vào đảng, ở trong tình trạng này. Cộng với nguyên tắc "giai cấp chống giai cấp/ đấu tranh giai cấp" như đã trình bày ở trên, tác động của nguyên tắc dân chủ tập trung trong sự ngăn chặn các cải tổ căn bản, không cho dân Việt Nam đi tới, lại càng tai hại hơn nữa, nhất là nếu nguyên tắc đó được áp dụng song song với nguyên tắc "Đảng tập thể lãnh đạo" như Đại Hội VII-B đã quyết định.

Đại Hội VII-B nghị quyết như sau: "Đảng lãnh đạo theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, lãnh đạo thông qua tổ chức đảng chứ không chỉ thông qua cá nhân đảng viên, lãnh đạo bằng các quyết định tập thể ...".

Điều đáng chú ý ở đây là nguyên tắc "Đảng tập thể lãnh đạo" đã được nêu lên từ năm 1975, sau khi Đảng chiếm được miền Nam. Nhưng chỉ tại Đại Hội VII-B nó mới được làm nổi bật và văn kiện hóa như vậy. Tính chất tập thể của lãnh đạo, của các quyết định của Đảng, của tổ chức được nhấn mạnh. rõ ràng là lúc này người ta sợ và muốn ngăn chặn những hành động, những sáng kiến cá nhân, dù là hay và đúng đến mấy, ngược với quan điểm của họ. Đặc biệt người ta sợ những chủ trương cải tổ có thể tổn hại cho sự "kiên trì đường lối xã hội chủ nghĩa" theo Mác-Lê trong sáng và tư tưởng Hồ Chí Minh, nghĩa là đường lối bôn-sê-vích "giai cấp chống giai cấp / đấu tranh giai cấp" như đã trình bày ở trên.

Người ta đây là ai? Là những phần tử cộng sản bảo thủ hạng nặng chống lại cải tổ thực sự, nghĩa là cải tổ có tính chất cấp tiến và qui mô, cải tổ căn bản kể cả cơ cấu lãnh đạo hướng. Những phần tử bảo thủ hiện nay đang nắm đa số và thực quyền trong Đảng. Họ muốn dùng đa số và thực quyền đó để ém nhem tất cả những quan điểm có tính chất tiến bộ. Họ cho ghi rõ trong nghị quyết: "Cán bộ, đảng viên phải chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà Nước, không được truyền bá những quan điểm trái với đường lối của Đảng". Theo nguyên tắc dân chủ tập trung, Đảng là họ. Quan điểm của họ là đường lối của Đảng. Chỉ quan điểm đó được phổ biến.

Trong hiện tình tổ chức và đường lối sinh hoạt của ĐCSVN - theo chủ nghĩa Mác-Lê "trong sáng", nghĩa là theo chủ nghĩa bôn-sê-vích - không có hy vọng gì cải tổ thực sự được. Loại cải tổ này chỉ có chính người trong ĐCSVN mới làm được một cách êm thấm, không dùng bạo lực và không gây xáo trộn. Những người cảm thực quyền trong Đảng hiện nay là những người có đủ tư cách nhất để thực hiện những cải tổ đó. Họ có trách nhiệm cải tổ để cho dân tộc và xứ sở đi tới. Nhưng lại khư khư dùng địa vị của họ để chặn đường tiến của dân tộc và xứ sở. Cho nên những cải tổ nói trên phải thực hiện bằng cách đi ra ngoài khung cảnh tổ chức và mối sinh hoạt hiện hữu của Đảng. Trong trường hợp này những người thực hiện cải tổ sẽ là những người trong Đảng đang còn lương tri và lương tâm để chấp nhận những thái độ và hành động nhằm dẹp bỏ ba chướng ngại lớn đã nêu trên: đấu tranh giai cấp, dân chủ tập trung, lãnh đạo tập thể, và thay thế nó bằng: lợi ích dân tộc, dân chủ đa nguyên, lãnh đạo theo lương tri và lương tâm. Những thành phần phản động trong Đảng, căn cứ trên tổ chức và sinh hoạt hiện tại của Đảng, sẽ chụp cho họ cái mũ "phản Đảng". Nhưng có "phản Đảng" như vậy mới cứu được dân và nước, và có thể nói, ngay cả Đảng nữa. Thật ra thì những kẻ phản Đảng không phải là họ, mà chính là những lãnh tụ bảo thủ triệt để chống lại cải tổ thực sự và chặn đường tiến của dân tộc và xứ sở.

Tôn Thất Thiện Ottawa, 20-8-1994